

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÀNH CHÙA VÀ BÀI TRÍ TƯỢNG THỜ TRONG CÁC NGÔI CHÙA Ở BẾN TRE THẾ KỶ XIX

***Tóm tắt:** Phật giáo từ khi được du nhập vào Việt Nam đến nay đã luôn đồng hành cùng mọi thăng trầm của dân tộc. Là một thực thể sống động, Phật giáo Việt Nam cũng có khi thịnh, lúc suy tuy nhiên mạch ngầm trí tuệ, từ bi, dũng mãnh vẫn là suối nguồn âm ỉ chảy trong mạng mạch văn hóa dân tộc, trở thành thành tố không thể thiếu trong việc định hình bản sắc và sức sống của dân tộc Việt. Tại vùng đất Bến Tre cũng vậy, từ khi có mặt đến nay, Phật giáo đã ghi dấu ấn vào công cuộc kiến thiết và góp phần tạo dựng nên giá trị và sức mạnh của Phật giáo Bến Tre. Đặc biệt, nhờ những thể nền mà Phật giáo Bến Tre xác lập từ thế kỷ XVIII, XIX, tại đây đã trở thành mảnh đất hun đúc, khơi nguồn nên một thời đại hồi sinh Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX mà Tổ Lê Khánh Hòa là người đi đầu trong Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Bài viết khái quát về Phật giáo tỉnh Bến Tre trong thế kỷ XIX trên hai phương diện cơ bản: lịch sử hình thành và thực hành tôn giáo tại các ngôi chùa ở Bến Tre thế kỷ XIX.*

***Từ khóa:** Phật giáo; lịch sử; tượng thờ; Bến Tre.*

1. Đặc điểm hình thành các ngôi chùa ở Bến Tre

1.1. Về nguyên nhân thành lập chùa

Khảo cứu danh sách 76 ngôi tự viện Phật giáo thành lập trước năm 1900 theo danh bộ Tăng, Ni, Tự, Viện¹ và sách Chùa Việt Nam đã công bố năm 2015² tại tỉnh Bến Tre cho thấy có 47 ngôi thành lập trước năm 1900 (thế kỷ XVIII-XIX), trong đó có 01 ngôi thành lập giữa thế kỷ XVIII, 02 ngôi đầu thế kỷ XIX, 03 ngôi giữa thế kỷ XIX,

* Thích Xương Tâm, Email: thichxuongtam_bentre@yahoo.com
Ngày nhận bài: ; Ngày biên tập: 23/4/2021; Duyệt đăng: 20/5/2021.

41 ngôi cuối thế kỷ XIX (xem phụ lục), còn lại 28 ngôi thành lập sau năm 1900 (thế kỷ XX).

Ở Bến Tre trước thế kỷ XX, một ngôi chùa được thành lập thường xuất phát từ năm nguyên nhân sau:

Thứ nhất, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tu, học, sinh hoạt của tăng, ni, Phật tử.

Qua những hiện vật, tượng Phật, Bồ tát được phát hiện ở các di chỉ An Phong, Giồng Nổi, chùa Linh Quang... cho thấy, Phật giáo có mặt tại vùng đất Bến Tre ngày nay từ rất sớm, nhưng nền văn hóa đó đã lùi về quá khứ từ thế kỷ X. Suốt hơn bảy thế kỷ (X - XVII) Phật giáo vùng đất Bến Tre tuyệt tích, Phật giáo vùng Trung Việt, Nam Việt một thời rục rĩ cũng không còn, trong khi đó Phật giáo vùng Bắc Việt luôn được tồn tại.

Năm 1559 Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa, Phật giáo vùng Trung Việt, Nam Việt dần dần được phục hồi và phát triển trở lại. Đặc biệt vào năm 1665 với sự xuất hiện của Hòa thượng Nguyên Thiều - Siêu Bạch tại phủ Quy Ninh (Quy Nhơn, Bình Định ngày nay)³ Phật giáo lại được phát triển mạnh mẽ. Hàng đệ tử đệ tôn của Hòa thượng đã đem Thiền học Đại thừa truyền vào Miền Nam, như: Hòa thượng Thành Nhạc Ân Sơn khai sơn chùa Long Thiền, Đồng Nai⁴; Hòa thượng Thiệt Thoại Tánh Tường khai sơn chùa Hoa Nghiêm Thủ Đức, Gia Định⁵; Hòa thượng Phật Tịnh Từ Nghiêm khai sơn chùa Hưng Long, Bình Dương⁶... Trong bối cảnh như thế cộng với chính sách Nam tiến của các chúa Nguyễn, từng đoàn người kể cả người Hoa, tăng, ni, Phật tử vào Nam sinh cơ lập nghiệp, trong đó có vùng đất Bến Tre ngày nay.

Nơi vùng đất mới, họ đã lập chùa không chỉ vì thờ Phật mà còn do nhu cầu tu, học cá nhân và chỗ ở của nhà sư được họ tôn kính và chùa cũng là ngôi nhà chung để họ học tập nghi lễ, sinh hoạt lễ hội, vui chơi giải trí. Ví dụ, Hòa thượng Phật Tịnh Từ Nghiêm (Hòa thượng Long Thiền) ở chùa Hội Tôn đã dạy dân đạo lý nhà Phật, cách thức làm ăn ở vùng đất mới, võ nghệ để phòng thú dữ, cách đóng thuyền, bè đi lại trên sông nước, cách dệt vải, dệt lưới phục vụ nhu cầu đời sống người dân... Hòa thượng còn nghĩ cách giết cọp để cứu dân thôn Hòa Quới và Phú Thành⁷....

Tại Bến Tre trong thời gian trước năm 1900 có đến 31/47 ngôi chùa được thành lập với mục đích tương tự như trên, có những ngôi từ cá nhân Phật tử tự xuất tài sản ra lập chùa để thân nhân trong gia đình tu tập, cúng bái, từ đó hình thành ngôi chùa. Đây là một dạng chùa tộc, phần nhiều về sau được thân nhân thỉnh tăng, ni về cư trú, trở thành chùa của tăng, ni. Có những ngôi chùa thân tộc quản lý cho đến hiện nay, như: chùa Long An ở huyện Mỏ Cà Nam; chùa Phước Long ở huyện Châu Thành...

Thứ hai, giữ gìn di tích cổ.

Vùng đất Bến Tre ngày nay từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ VII thuộc lãnh thổ Phù Nam, đời sống người dân nơi đây phồn thịnh⁸. Sau khi Phù Nam bị Chân Lạp lật đổ, vùng đất này dần vắng bóng người, đến thế kỷ XIII thì hoàn toàn hoang phế⁹. Từ thế kỷ XVII, người dân nơi khác, phần nhiều là người Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Minh Hương lần lượt đến Bến Tre khai hoang sinh sống¹⁰. Trong lúc khai hoang, tôn tạo nhà cửa, khai mương xẻ rạch, người dân vô tình bắt gặp tượng Phật, tượng Bồ tát, tượng thánh hiền trong lòng đất. Họ cho rằng nơi đây là chỗ chùa đền linh thiêng, giờ có duyên gặp Phật, cần phải lập chùa thờ Phật để Phật phù hộ được an lành, tai qua nạn khỏi trong đời sống đầy đầy khó khăn, lam chường. Từ đó người dân lập am thờ tượng Phật, Bồ tát, thánh hiền mà họ gặp được. Để việc thờ cúng được bảo đảm trang nghiêm, họ đã cúng vào am một phần vườn ruộng và một phần hoa lợi cho người trông coi, hương khói, cúng kính, lâu dần quy tụ nhiều người và nhu cầu thỉnh tăng, ni về cư trú lâu dài để hướng dẫn người dân tu học theo đạo Phật, dần dần am biến thành chùa.

Trước năm 1900, tại vùng đất Bến Tre ngày nay đã có 04/47 ngôi chùa được hình thành từ nguyên nhân này, như: chùa Tiên Đài ở huyện Châu Thành, chùa Long Phú ở huyện Mỏ Cà Bắc... Hiện tượng này tiếp diễn rải rác khắp nơi trong tỉnh cho đến ngày nay, như: chùa Long An (chùa Trà Nồng) ở huyện Mỏ Cà Nam, chùa Gia Hưng ở huyện Mỏ Cà Bắc...

Thứ ba, do tín ngưỡng của những mục đồng.

Khoảng giữa thế kỷ XIX về sau, nghề trồng lúa nước vùng đất Bến Tre phát triển và có những điền chủ có hàng ngàn mẫu ruộng. Công

việc đồng áng cần nhiều sức kéo của trâu nên xuất hiện nghề chăn trâu, thậm chí nghề chăn trâu trở thành nghề cha truyền con nối nhiều đời.

Tại Bến Tre còn lưu lại truyền thuyết nói về uy lực của người chăn trâu ba đời: Thời ấy Bến Tre “ma quỷ” rất nhiều, phá phách xóm làng, gây bệnh tật,... Người dân lo sợ không yên, họ rước thầy bùa, thầy pháp cúng tế và tống quái để xua đuổi ma quỷ. Thầy pháp dùng nhiều cây chuối kết thành một chiếc bè, dùng tre, sậy, giấy, sơ dừa, vải, rơm... tạo những đồ gia dụng giả đầy đủ như một chiếc thuyền có cò, có lộng, có cả người chèo thuyền và những phẩm vật cúng như chè, xôi, bánh, trái, gà, vịt, có khi có cả đầu heo hoặc nguyên con heo quay. Thầy pháp cúng trong nhà xong đem ra bờ sông cúng rồi đẩy ra sông cho trôi theo dòng nước, nếu chiếc bè đó tấp vào những đền miếu ven sông thì ma quỷ sẽ lên đền miếu đó cư trú, nếu ai vớt lên ăn những đồ cúng thì ma quỷ sẽ theo người đó, ngược lại chiếc bè ấy bị người trong gia đình có 3 đời (ông - cha - đương sự) chăn trâu vớt lên ăn thì ma quỷ ấy sẽ bỏ đi, không dám làm hại. Đầu thế kỷ XX vùng đất Cẩm Sơn, Hương Mỹ, Ngãi Đăng còn ông Võ Văn Tốt nổi tiếng vì nghề cúng này.

Từ việc người chăn trâu thấy chùa, mộ Phật nhưng vì thân phận ở đợ chăn trâu cho điền chủ không được tự do đi lại, mà chùa thì cách xa mới có một ngôi (trước năm 1870 toàn tỉnh Bến Tre ngày nay chỉ có 6 ngôi chùa). Vì thế, để thỏa mãn niềm tin, các trẻ dùng đất sét nặn tượng Phật đem phơi khô rồi thả xuống kinh, rạch, nếu tượng nào nổi tức là tượng đó linh thiêng đem lên để thờ. Việc lạ là những tượng này rất linh hiển. Các trẻ chăn trâu thường được thần linh mách bảo những điều sắp xảy ra, cầu xin thường được linh ứng. Việc linh hiển ấy truyền miệng lâu dần, thu hút sự chú ý của những người dân trong vùng, họ đã đến cầu được bình an khi gia đình có hoạn nạn, bệnh tật ốm đau... dần dần nơi đó biến thành chùa gọi là chùa mục đồng. Trước năm 1900 tại vùng đất Bến Tre có 8/47 ngôi chùa thành lập vì nguyên nhân này, như: chùa Linh Sơn ở huyện Chợ Lách, chùa Vĩnh Trường ở huyện Ba Tri, chùa Phú Bửu ở huyện Thạnh Phú... Hiện tượng này còn tiếp diễn mãi về sau, như: chùa Mục Đồng ở huyện Giồng Trôm, chùa An Linh ở huyện Ba Tri... thành lập đầu thế kỷ XX.

Thứ tư, vì nhu cầu tín ngưỡng của làng.

Vùng đất Bến Tre thế kỷ XIII - XVII hoang phế không người cư trú. Từ thế kỷ XVIII về sau người dân dần dần đến định cư mỗi ngày thêm đông, nhu cầu tín ngưỡng Phật giáo khá cao tuy nhiên ba dải cù lao sông rạch chằng chịt, cách trở đi lại khó khăn, đặc biệt mùa nước nổi từ tháng 8 đến tháng 01 di chuyển lại càng khó khăn hơn. Để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng Phật giáo của người dân, những điền chủ trong làng chung nhau cất một ngôi chùa gọi là chùa làng, do những vị có chức phận địa phương quản lý, công cử người trông coi việc thờ cúng giống như một ngôi đình làng. Tại Bến Tre có 6/47 ngôi chùa được hình thành như thế, như: chùa Huệ Quang ở huyện Giồng Trôm, chùa Phước Khánh ở huyện Thạnh Phú... Về sau, Hội đồng địa hạt hoặc Ban Hội tề, Ban Khánh tiết thỉnh tăng, ni về cư trú và chùa trở thành chùa làng.

Thứ năm, vì sự linh hiển phải lập chùa để thờ cúng.

Đất Bến Tre trước năm 1700 toàn là rừng hoặc những cánh đồng lau sậy. Từ năm 1700 về sau mới có người khai hoang, định cư. Đất rộng người thưa, hàng ngày họ phải đối đầu với vô vàn khó khăn nguy hiểm, nào là thú dữ, nào là lam chướng, nào là ma quỷ... Người dân sống nơi đây luôn thấy lo sợ, bất an, vì vậy họ đã bám víu vào Trời, Phật, Thánh, Thần huyền bí, linh thiêng, che chở giúp đỡ để có thêm sức mạnh, niềm tin và hy vọng cuộc sống bình yên, tươi đẹp. Từ đó họ đã thiết lập nơi thờ cúng, từ thờ Tiên, Phật, Thánh, Thần cho đến thờ ông Hồ, ông Góc, bà Chăn, Hà Bá, Thủy Quan, cá Ông, cá Sấu, Thổ Địa, Thành Hoàng, thần Mưa, thần Rắn, ông Tiên, ông Táo, Chúa Xứ, Thần Tài... có những nơi thờ thần trở thành nơi thờ Phật, và ngược lại có những nơi thờ Phật có thờ thêm thần. Hiện nay, rải rác khắp tỉnh, trong khuôn viên nhiều ngôi chùa vẫn còn những miếu môn nhang, đèn, hoa, quả, thờ cúng quanh năm, như: chùa Phước Long ở huyện Chợ Lách, chùa Thiên Thọ ở huyện Bình Đại, chùa Tuyên Linh (Tiên Linh) ở huyện Mô Cày Nam...

Liên quan đến sự hình thành chùa theo các nguyên nhân trên, Hòa thượng Thái Không ở chùa Tuyên Linh kể rằng: Trước khi chùa Tuyên Linh được hình thành, khu vực xã Minh Đức là rừng rậm

hoang vu, nơi trú ngụ của nhiều loại thú rừng. Cô Huỳnh Thị Sầm là con gái út của ông Huỳnh Thế Pháp leo bần bẻ củi chẳng may bị cộp ăn, chẳng lâu sau cô thành “Tinh Hồ giáo”, nhưng người dân vì sợ cô không dám gọi là yêu tinh mà gọi là bà Tiên¹¹. Khoảng năm 1885, ông Cả Nguyễn Duy Quý mua 5.000 m² đất của ông Huỳnh Thế Pháp cất cái am có cái gác để người bác ruột là Nguyễn Duy Đảnh (1846-1902) đã lớn tuổi lại không có con ra đó tu hành. Không lâu sau thầy Răng (tức Hòa thượng Khánh Phong húy là Thanh Lương hiệu Minh Đàng (1831-1906) đời 38 tông Lâm Tế¹², quê ở Bình Đông, Ba Tri đến cư trú, hướng dẫn ông Đảnh tu, học¹³. Lúc bấy giờ người dân thấy cô Sầm cứ hiện hình chập chờn quanh chùa: Có khi ban đêm, có lúc ban ngày, thấy cô mặc bộ đồ trắng xóa xõa tóc hoặc ngồi, hoặc đi trước sân am, hoặc trên nhánh cây thông chân xuống, thậm chí mọc chân trên cành cây thông đầu xuống bên đường đi trước am. Có khi người ta thấy cô mặt mày vẫn vẹn, lè lưỡi xanh lè dài thông... Hòa thượng Khánh Phong làm thuốc và cũng biết bùa chú nên đã dùng nhiều phương pháp trấn yểm mà vẫn không hết. Cuối cùng Hòa thượng phải làm lễ cúng rước cô vào am, từ đó cô ít quấy phá xóm làng, thỉnh thoảng cô cũng còn hiện hình hỏi thăm quý bà, quý cô ở Cái Bần đi chợ, nhưng từ đây am rất linh hiển, ai bệnh đến xin thuốc mà vái van cô thì uống thuốc được khỏi bệnh, mong cầu điều gì đều được toại ý. Từ đó khách viếng am mỗi ngày thêm đông, Hòa thượng Khánh Phong mới đặt tên am là “Tiên Linh Tự” hàm nghĩa chùa có bà tiên linh hiển¹⁴. Từ đó chùa Tiên Linh chính thức được thành lập. Năm 1930, nhân lần đại trùng tu chùa Tiên Linh, Hòa thượng Lê Khánh Hòa đã đổi tên chùa thành Tuyên Linh Tự¹⁵. Thời Hòa thượng Lê Khánh Hòa làm trụ trì (1907-1947) về sau không còn chuyện ma quái ấy nữa, nhưng cô thường hay giáng đờ trên ngọn sao, ngọn dương trước chùa. Vì thế sự tiềm tàng linh linh hiển hiển vẫn còn bao phủ trong tầng, ni và Phật tử địa phương khi cầu nguyện một điều gì¹⁶.

Xét đến cùng, một ngôi chùa được thành lập có nhiều nguyên nhân nhưng đặc điểm chung vẫn là để đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân ở vùng đất mới - nơi mà sự may rủi không lường trước được và có những huyền bí vượt quá sức hiểu biết, định đoán của con người. Trong gần 100 năm đầu từ khi chùa Hội Tôn được thành lập

đến năm 1870, vùng đất Bến Tre có 6 ngôi chùa được thành lập, nhưng từ năm 1870 đến năm 1900 có đến 41 ngôi chùa đã hình thành.

1.2. Về cách đặt tên cho ngôi chùa

Bến Tre nói riêng, miền Nam nói chung, đặt tên chùa có nhiều điểm khác hơn miền Bắc. Chùa ở miền Bắc đều có tên theo văn bản hành chính nhưng người dân địa phương không ai gọi tên chùa theo văn bản hành chính mà thường gọi tên chùa theo tên làng, ví dụ: chùa Vạn Phúc ở sườn phía Nam núi Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh được gọi là chùa Phật Tích; chùa Ninh Phúc ở bên đê hữu ngạn sông Đuống, thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh được gọi là chùa Bút Tháp, v.v...

Ở miền Nam nói chung, Bến Tre nói riêng người dân chỉ gọi tên chùa theo tên chính thức của văn bản hành chính, trừ một vài trường hợp đặc thù người dân mới gọi thêm một tên khác ngoài văn bản hành chính.

Khi lập chùa, đặt tên cho chùa thường có một trong 5 trường hợp: *thứ nhất*, ghép tên làng làm một phần tên chùa, như: chùa ở thôn Cẩm Sơn (nay là xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam) có tên là chùa Phước Sơn; *thứ hai*, dùng tên người lập chùa đặt tên cho chùa, như: chùa do ông Quốc và Ân sáng lập nên tên là chùa Quốc Ân, nay ở ấp Đại An, xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách...; *thứ ba*, căn cứ vào nguyên nhân lập chùa mà đặt tên, như: chùa có bà tiên linh hiển tên là chùa Tiên Linh nay thuộc ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam...; *thứ tư*, căn cứ vào chùa gốc đặt tên cho chùa nhánh, như: Hòa thượng trụ trì chùa Hội Minh lập thêm chùa mới đặt tên là chùa Hội Phước, nay thuộc thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam; *thứ năm*, lựa một từ đẹp trong kinh điển đặt tên chùa, như: chùa Viên Giác, chùa Viên Minh,...

Ngoài ra, việc lập chùa cũng dựa trên chính những diễn tiến đời sống thường ngày của người dân tại Bến Tre, như truyền thuyết kể rằng: ngày xưa, vùng Chợ Thom có cô gái xinh đẹp tên Nồng, con của một phú hộ, một hôm cô bị 3 tên cướp đón đường, lúc đó tình cờ gặp được Éch, một chàng trai nhà nghèo, mồ côi, khỏe mạnh trong vùng. Éch ra tay đánh đuổi bọn cướp. Cô Nồng cảm phục lòng nghĩa hiệp và

ơn cứu giúp của Ếch nên cô để lòng thương yêu Ếch. Sau khi cha cô Nồng biết chuyện, ông hết sức giận dữ, cấm cô Nồng liên hệ với Ếch. Biết chuyện, Ếch đau buồn bỏ xứ sang làng khác. Cô Nồng buồn khổ, xin cha mẹ cho cô lập một cái am ở đầu làng để tu hành. Lúc bấy giờ người trong vùng gọi am của cô Nồng là chùa Trà Nồng. Ếch được tin cô Nồng tu hành để giữ trọn lời nguyện, Ếch vô cùng cảm phục quay về đất của mình cũng lập một cái am tu hành cho trọn tình với cô Nồng, lúc bấy giờ người trong vùng gọi am của Ếch là chùa Sãi Ếch¹⁷. Hai ngôi chùa này hiện nay vẫn còn cách nhau khoảng 3 km, đó là chùa Long An (chùa Trà Nồng) ở xã An Thạnh và chùa Hội Minh (chùa Sãi Ếch) ở xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam.

Có thể thấy, mỗi một ngôi chùa được thành lập ở vùng đất Bến Tre đều mang một điển tích, một nét đặc thù riêng biệt, gắn liền với tính cách con người, thể hiện truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc và ghi lại dấu ấn lịch sử phát triển ở địa phương cũng như sự phồn thịnh của đất nước.

1.3. Về địa điểm lập chùa và người lập chùa

1.3.1. Về địa điểm

Vùng đất Bến Tre ngày nay trước thế kỷ X, đã từng là một phần lãnh thổ của những vương quốc cổ như Phù Nam, Chân Lạp. Từ thế kỷ X đến XVII vùng đất này trở nên hoang phế. Sau thế kỷ XVII dân cư ở nơi khác dần dần đến định cư¹⁸. Vì là rừng ngập mặn nên bước đầu người dân khai hoang cư trú tại những dải giồng cao có nước ngọt, dễ dàng chăn nuôi, trồng tía. Vì nhu cầu tín ngưỡng, người dân sống ở nơi nào thì họ lập chùa nơi đó nên ban đầu, phần nhiều chùa được lập trên những giồng cao, như: chùa Hội Tôn ở trung tâm giồng cát thôn Quới Hòa, chùa Phước Long (Phước Hưng) ở trung tâm giồng cát Tân Thiềng, chùa Long Khánh ở trung tâm giồng An Bình Tây... Chính vì ở trung tâm giồng cao cũng là chỗ bèn vững, an toàn nhất trong vùng nên nó nghiêm nhiên trở thành nơi nương tựa của người dân khi mưa bão, ngập lụt. Để có người dẫn dắt dân làng được an toàn trong sinh hoạt xã hội, người dân đã tìm những vị tăng, ni tài cao đức trọng thỉnh về trụ trì. Sự tương tác cung, cầu đã giúp cho ngôi chùa nói riêng, Phật giáo nói chung được tồn tại và phát triển.

1.3.2. Về người lập chùa

Số lượng người dân ngày càng đông, dẫn đến nhu cầu tín ngưỡng ngày càng nhiều, chính vì thế ai ai cũng có thể lập chùa, người có chức có quyền, có nhiều tài sản thì dựng chùa to, người không có chức, quyền, nghèo khó thì cất chùa nhỏ. Chùa lớn hay chùa nhỏ sau khi hình thành được nhiều người dân ủng hộ lần hồi cũng trở thành chùa to, vị thầy càng cao tài, đức, người dân ủng hộ càng nhiều, thì chùa càng to, chùa càng nổi tiếng. Vì thế, sau khi cất chùa, chủ chùa bằng mọi cách phải tìm cho được một vị tăng, ni tài cao đức trọng thỉnh về trụ trì để chùa được phát triển, như mẹ con bà Cù Thị Báu đã thỉnh Hòa thượng Long Thiền (Phật Tịnh Từ Nghiêm) trụ trì chùa Hội Tôn, bà Nguyễn Thị Nghi thỉnh Hòa thượng Minh Định Vạn An trụ trì chùa Phước Sơn... cho đến các vị tăng, ni, Phật tử lập chùa để tự tu như Hòa thượng Chấn Bửu lập chùa Bửu Phước ở Ba Tri, gia tộc Lê Đình lập chùa Tân Long ở Chợ Lách,...

1.4. Về kiến trúc ngôi chùa

Hầu hết chùa ở Bến Tre khi mới thành lập đều làm bằng cây lá nhỏ gọn đơn sơ, về sau được Phật tử xa gần cúng dường xây dựng kiên cố, to đẹp hơn. Sáu ngôi chùa xây dựng trước năm 1870 ở Bến Tre, sau nhiều lần trùng tu, xây mới nên không biết chính xác kiến trúc như thế nào. Một số ngôi chùa xây dựng trong thời gian 1870-1900 hiện còn cho thấy: chùa xây dựng dù lớn hay nhỏ đều mang hình thức tứ trụ bằng gỗ danh mộc, ba gian và có hành lang cả bốn bề ngang dọc. Cột được kê trên đá tảng tránh ẩm ướt, mỗi một.

Nhìn từ bên ngoài, hai mái dài hai mái ngắn kiểu nhà bát dền¹⁹, giống kiểu mái nhà phương đình của miền Bắc. Mối giáp hai mái đắp con lươn đầu mối rập, đầu và góc mái gắn hoa văn hình rồng. Chùa gỗ ở Bến Tre thường sử dụng màu nâu hay đen cho bộ gỗ, ngói màu đỏ của đất nung.

Cửa chùa bằng gỗ thường làm dạng chấn song có các song gỗ tiết diện vuông, đặc rộng xen kẽ, hay thượng song hạ bản có các con tiện bên trên, bên dưới là đồ bản chạm hoa văn rồng phụng, qui hạc, tứ linh, sen, mai lan cúc trúc, tùng trúc mai lan, đường nét tinh xảo có chức năng vừa thông gió vừa thoát nhiệt thích hợp với điều kiện khí

hậu nóng ẩm của Nam Bộ. Trên các vách, cột, xuyên, xà trang trí bao lam, hoành phi, liễn đối được chạm khắc rồng phụng, tứ linh, thập bát la hán... tinh xảo.

Khuôn viên chùa rộng lên đến hàng nghìn mét vuông. Vì thế chùa thường thiết kế theo hình chữ tam gồm ba ngôi cùng một trục từ trước ra sau, gồm: chính điện, trai đường, hậu liêu; hoặc chữ khẩu phía trước là chính điện, sau chính điện là sân tĩnh thiên, sau sân tĩnh thiên là nhà hậu, hai bên sân tĩnh thiên là Đông lang, Tây lang. Ngoài ra còn có những công trình phụ như: nhà trù (nhà bếp), giảng đường (phòng học), tịnh thất, nhà vệ sinh...

2. Cách bài trí tượng thờ trong các ngôi chùa ở Bến Tre

Các tầng, ni trụ trì những ngôi chùa cổ cho biết, cách tôn trí Phật điện từ xưa đến nay không có gì thay đổi. Quan sát những ngôi chùa cổ hiện còn cho thấy tôn trí Phật điện tại Bến Tre rất đơn giản theo chủ ý của từng vị trụ trì.

Tôn trí các bàn thờ

Hình thức tiền Phật hậu Tổ: bàn thờ Phật và Bàn thờ Tổ đầu lưng, cách nhau bởi một tấm vách. Bàn thờ Phật tôn trí tượng Phật Thích Ca Mâu Ni là chính, tùy theo nhu cầu tín ngưỡng của người dân mà vị trụ trì tôn trí thêm Bồ tát Quán Âm, Bồ tát Địa Tạng, Phật Dược Sư, Di Đà tam tôn... do thờ nhiều tượng nên bố trí thành 2, 3, 4 lớp nhưng không theo khuôn mẫu nhất định như các ngôi chùa ở miền Bắc Việt Nam. Qua khảo sát 47 ngôi chùa thành lập trước năm 1900 cho thấy có bốn hình thức tôn trí như sau:

Tôn trí một lớp, có bốn trường hợp:

Thứ nhất, thờ một tượng Phật Thích Ca, như chùa Phước Sơn ở huyện Mỏ Cày Nam, chùa Phú Long ở huyện Mỏ Cày Bắc... với ý nghĩa Phật Thích Ca là giáo chủ của Phật giáo, tất cả kinh điển, tu, học của tăng, ni được Phật Thích Ca chỉ dạy.

Thứ hai, tôn trí tượng Phật Thích Ca ở giữa, có thêm Phật Di Đà bên trái, Phật Di Lặc bên phải, như: chùa Hòa Nam ở huyện Ba Tri, chùa Phước Khánh ở huyện Thạnh Phú... với ý nghĩa tôn thờ ba đời chư Phật theo hệ phổ thông.

Thứ ba, tôn trí tượng Di Đà tam tôn, như chùa Thiên Thọ ở huyện Bình Đại... với ý nghĩa chùa này chuyên tu pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Thứ tư, tôn trí Phật Thích Ca ở giữa, Bồ tát Quán Thế Âm bên trái, Bồ tát Địa Tạng Vương bên phải, như: chùa Kim Cang ở huyện Ba Tri... với ý nghĩa giáo pháp của Phật Thích Ca ngoài tu hành tự giác ngộ còn có pháp cầu an theo Bồ tát Quán Thế Âm, cầu siêu theo Bồ tát Địa Tạng Vương.

Tôn trí hai lớp, có ba trường hợp:

Thứ nhất, lớp thứ nhất có 3 pho tượng Di Đà tam tôn, lớp thứ hai Phật Thích Ca ở giữa, Phật Di Lặc bên phải, Phật Dược Sư bên trái, như: chùa Long Hải ở huyện Bình Đại, chùa Khải Tường ở huyện Ba Tri ... với ý nghĩa thờ kính ba đời chư Phật, trong đó Phật Di Đà tiếp dẫn vãng sanh, Phật Dược Sư cứu người bệnh tật.

Thứ hai, lớp thứ nhất Phật hiện tại gồm: Phật Thích Ca ở giữa, Tôn giả Ca Diếp bên phải, tôn giả A Nan bên trái. Lớp thứ hai Tây phương tam Thánh, gồm: Phật Di Đà ở giữa, Bồ tát Quán Thế Âm bên phải, Bồ tát Đại Thế Chí bên trái, như: chùa Tiên Đài ở huyện Châu Thành... hoặc lớp trên cùng là Tây phương Tam Thánh, lớp thứ hai là Phật Thích Ca, Ca Diếp, A Nan, như: chùa Liên Trì ở huyện Châu Thành... hoặc Phật Thích Ca ở lớp trên cùng, lớp thứ hai là Tây phương tam thánh, như: chùa Long Phước ở huyện Ba Tri, chùa Hội Minh ở huyện Mỏ Cày Nam... với ý nghĩa bên cạnh tu thiền theo Phật Thích Ca còn có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ của Phật Di Đà (Thiền Tịnh song tu).

Thứ ba, tôn trí lớp trên cùng là Phật Thích Ca ở giữa, Bồ tát Đại hạnh Phổ Hiền bên trái, Bồ tát Đại trí Văn Thù bên phải; lớp thứ hai Phật Di Đà ở giữa, Bồ tát Quán Thế Âm bên trái, Bồ tát Đại Thế Chí bên phải, như: chùa Phước Long ở huyện Chợ Lách... với ý nghĩa thực hiện Bồ tát hạnh Đại trí, Đại hạnh, Đại từ, Đại bi theo Phật Di Đà và Phật Thích Ca cứu giúp tất cả kẻ âm người dương.

Tôn trí ba lớp bám sát theo kinh điển gần với Đức Phật lịch sử

Tôn thờ ba đời chư Phật, Bồ tát

Lớp thứ nhất tôn trí tượng Di Đà tam tôn, gồm Phật Di Đà và Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí hầu cận hai bên tượng trung cho Phật quá khứ. Lớp thứ hai Phật Thích Ca có Tôn giả Ca Diếp và Tôn giả A Nan hầu cận hai bên tượng trung Phật hiện tại. Lớp thứ ba Phật Di Lạc tượng trung Phật tương lai, như: chùa Long Nhiêu ở huyện Giồng Trôm... với ý nghĩa rất gần với thực tế, theo Phật Thích Ca Mâu Ni cõi Cực Lạc Đức Phật Di Đà có hai đại Bồ tát hầu cận là Bồ tát Quán Thế Âm tượng trung cho Đại từ Đại bi và Bồ tát Đại Thế Chí tượng trung cho Đại trí Đại lực²⁰.

Tôn trí ba lớp theo quan điểm thờ kính tất cả chư Phật, Bồ tát

Lớp thứ nhất: tôn trí tượng Phật Thích Ca, xung quanh có Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu, ông Tiêu, ông Hộ. Lớp thứ hai: tôn trí 5 vị Bồ tát tượng trung cho 5 oai lực: Đại trí Văn Thù, Đại hạnh Phổ Hiền, Đại bi Quan Âm, Đại lực Thế Chí, Đại nguyện Địa Tạng. Lớp thứ ba tôn trí 7 tượng Phật Dược Sư lớn hay nhỏ tùy bệ thờ của ngôi chùa, như: chùa Huệ Quang ở huyện Giồng Trôm... với ý nghĩa người tu Phật tôn kính chư Phật Thánh Hiền để học theo hạnh các Ngài, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Ngoài ra, còn có một mô hình tôn trí Tây phương tam thánh ở trung tâm nơi cao nhất, xung quanh có rất nhiều vị Bồ tát, Thánh, Hiền, Trời, Thần... không thể phân định được lớp lang, trên dưới, như: chùa Long An (chùa Trà Nồng)... với quan niệm Thần, Phật luôn linh hiển như nhau hoặc tôn trí nhiều lớp nhưng các tượng không theo thể loại nào như chùa Linh Phú ở huyện Mỏ Cày Nam... vì Phật tử hiển cúng tượng nào thì thờ tượng nấy nhưng không xác định quan điểm rõ ràng.

Trong Phật điện, bên phải bàn thờ Phật là bàn thờ Bồ tát Địa Tạng Vương tượng trung cho việc cứu giúp người đã khuất. Bên trái bàn thờ Phật là bàn thờ Bồ tát Quán Thế Âm tượng trung cho việc cứu giúp người hiện còn. Phía trước đối diện bàn Phật là bàn thờ Bồ tát Tiêu Diện tượng trung bậc quản lý hương linh người đã khuất, Bồ tát Hộ Pháp tượng trung bậc quản lý người hiện còn. Có chùa còn lập một bàn Hội đồng Tam bảo ngay cửa chính trước khi vào bàn Phật, trên bàn thờ Hội đồng có cả Đương kim Hoàng Đế, Quan Đế Thánh Quân, Châu Xương, Quan Bình, Thập Điện Diêm Vương, Ngọc

Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu... như chùa Thiên Thọ ở huyện Bình Đại, chùa Viên Giác ở thành phố Bến Tre... thể hiện lòng tôn kính chính nghĩa, trung quân ái quốc,...

Dù tôn trí khác nhau trên bàn Tam bảo nhưng tất cả các chùa từ xưa đến nay đều thờ các tượng: Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Bồ tát Quan Âm, Bồ tát Địa Tạng, Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Chuẩn Đề, Thập Điện, La Hán - là nhóm tượng căn bản xuyên suốt mọi thời kỳ. Ngoài ra, dưới bệ Tam bảo còn có tôn trí các tượng Phật nhập Niết bàn, Phật sơ sinh, tượng Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu²¹.

Tổ đường tôn trí Tổ Bồ Đề Đạt Ma và các đời trụ trì tại bàn thờ chính, bên trái thờ Tăng chúng, bên phải thờ Ni chúng. Hai bên Tổ đường thờ những Phật tử, tín chủ có công với chùa và Phật tử được thân nhân ký gửi, bên trái là nam, bên phải là nữ.

Tiếp nối Tổ đường là sân tinh thiên hai bên có nhà cầu liên kết với trai đường nơi tăng, ni thọ trai và cũng là giảng đường thuyết pháp khi đủ điều kiện, sau trai đường là hậu liêu phòng xá chỗ tăng, ni cư trú.

Trong khuôn viên chùa còn có miếu thờ Thổ Địa, Thần Tài, Thủy Long, Chúa Xứ, Thành Hoàng Bản Cảnh, v.v...

Chất liệu tượng thờ tại các chùa

Nếu các ngôi chùa Phật ở Bến Tre được thành lập trong thế kỷ XVIII tôn thờ tượng Phật bằng đất sét, bằng gỗ, bằng đồng thì hầu hết các ngôi chùa thành lập trong thế kỷ XIX đã chuyển sang thờ tượng Phật bằng xi măng. Một số ngôi chùa thờ tượng Phật bằng đồng do những gia đình giàu có hiến cúng, như: chùa Hội Tôn ở huyện Châu Thành, chùa Linh Quang ở huyện Mỏ Cày Bắc... Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và kẻ trộm hoành hành, phần nhiều những pho tượng này hiện nay không còn, còn chăng chỉ vài tượng nhỏ do các vị trụ trì cất giấu, như: tượng Phật Thích Ca ở chùa Linh Quang, huyện Mỏ Cày Bắc, tượng Bồ tát Hộ Pháp ở chùa Hội Tôn, huyện Châu Thành,...

Pháp khí

Bố trí trên bàn thờ gồm có: tượng thờ ở giữa nơi cao nhất; dưới tượng thờ một bậc là 3 chung trà, hai bên 3 chung trà là cặp bình hoa;

lư hương ở giữa bên ngoài 3 chung trà, hai bên lư hương là cặp đĩa ngũ quả, bên ngoài ngũ quả là cặp đèn; dưới lư hương một bậc là khai lễ, bên ngoài khai lễ là khai kinh; hai bên khai kinh là chuông gia trì bên phải, mõ gia trì bên trái.

Trong mỗi chùa đều có đủ đại hồng chung và đại cổ (trống châu) dùng báo hiệu khi có cúng, tụng, đại lễ, cung nghinh Tam bảo; Tiểu chung (Tăng chung), Tiểu cổ (trống đạo), bảng dùng trong hai thời công phu sáng (triều thời khóa tụng), chiều (mộ thời khóa tụng); chuông gia trì, mõ gia trì, khánh dùng làm hiệu lệnh và nhịp trường canh khi tụng niệm.

Những pháp khí được bố trí theo vị trí nhất định: đại hồng chung hoặc chuông bên phải ngoài nhìn vào; đại cổ, tiểu cổ, bảng, mõ, khánh bên trái ngoài nhìn vào. Đặc biệt bên phải có thêm một mõ nhỏ để dùng khi tụng sám, có đánh khánh và mõ. Chùa ở Bến Tre khi thực hiện khóa tụng thiền môn không sử dụng tang và linh như miền Trung, miền Bắc. Khi thực hiện đàn tràng lớn thì dùng đầu thay cho tang.

Qua cách thờ cúng như thế cho thấy việc thờ cúng trong chùa là một mô hình tổng hợp nhiều tín ngưỡng, do nhu cầu đời sống xã hội vùng rừng thiêng nước độc, quá nhiều lam chướng, rủi ro mà người dân muốn nương tựa vào sự che chở của Phật, Bồ tát, Thánh, Thần linh hiền để có đủ niềm tin, sức mạnh và vững tinh thần mà sinh sống. Qua đó cũng nói lên những tâm tư khát vọng của người dân ngoài học giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni để tu tập giới, định, tuệ còn biết đến cầu sanh về nước Cự Lạc của Phật A Di Đà hay vị lai ra đời gặp Phật Di Lặc. Bên cạnh đó thờ Phật Dược Sư, Bồ tát Quán Thế Âm cầu an cho người đi xa, đi sông, đi biển, vào nơi hiểm nạn; thờ Bồ tát Địa Tạng Vương cầu siêu cho người đã khuất; thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế vị chúa tể cai quản vạn vật cầu được mưa thuận gió hòa, gia đình yên ổn; thờ Bồ tát Tiêu Diện để những người chết oan, chết khuất, chết trôi, chết nơi đầu đường, ngõ vắng... có nơi nương tựa; thờ Bồ tát Hộ Pháp cầu được giúp đỡ người lành, tu hành chân chính; thờ Thổ Địa, Chúa Xứ là người cai quản vùng đất để trong nhà trong cửa được yên ổn; thờ Thần Tài là người cai quản công việc làm ăn để được tài lợi; thờ Thủy Long là người cai quản sông nước để được yên lành khi

đi làm ăn trên sông, rạch hiểm nguy... không gian xung quanh chùa, thờ cúng trong chùa tạo nên cảnh tượng vừa thanh thoát vừa huyền bí giúp cho người đến thăm viếng, lễ bái cảm nhận sự nhiệm mầu, linh hiển có khả năng hướng thiện, xa lìa điều xấu, sống trọn tình trọn nghĩa với xóm làng anh em.

Kết luận

Sau 100 năm hình thành và phát triển, Phật giáo tỉnh Bến Tre đã có một vị thế quan trọng trong lòng người dân, thu hút sự quan tâm, ủng hộ của mọi tầng lớp xã hội, từ một ngôi chùa đơn sơ bằng cây lá đã tăng lên 47 ngôi, có những ngôi chùa xây dựng nguy nga tráng lệ. Số lượng tăng, ni tại địa phương và những nơi khác mền mộ sông nước hữu tình đến tu học mỗi ngày thêm đông từ vài vị tăng ở chùa Hội Tôn đã tăng lên 114 vị rải rác khắp tỉnh.

Về mỹ thuật, các nhà sư đã nêu ý tưởng cho thợ xây dựng những ngôi chùa đơn sơ thành những ngôi chùa nguy nga tráng lệ, từ cây dừa, cây sao, cây mù u làm nên những pháp khí thờ cúng chạm trổ tinh vi, có giá trị lâu dài hàng trăm năm. Đặc biệt những linh vị, bao lam, hoành phi, liễn đối ghi chú cẩn thận, đặt ở vị trí thích hợp, là nguồn sử liệu quý giá cho những nhà nghiên cứu về Phật giáo. Những bộ kinh được dập bằng giấy dó trên bản gỗ được giữ gìn cẩn thận là nguồn tri thức lưu truyền nhiều thế hệ học tập, những pháp quyền (Chánh pháp nhãn tạng) ghi chép đầy đủ từng thế hệ truyền thừa để ghi nhận tông môn huynh đệ, cội nguồn của từng người mà có bổn phận trách nhiệm với tông phong của mình.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni luôn được tôn trọng bậc nhất trong chùa, kể đến là các vị trụ trì, những người có công lớn đối với đạo cũng được tôn thờ xứng đáng. Bên cạnh sự tôn thờ tối thượng còn có tôn thờ các vị Phật, Bồ tát được người dân ngưỡng vọng, như: Phật Dược Sư trừ tai giải bệnh, Phật Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc, Bồ tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn, Bồ tát Địa Tạng tiếp dẫn vong linh nơi Địa ngục, Tiêu Diện Đại sĩ quản lý thập loại cô hồn, Hộ Pháp Thần vương bảo vệ chùa chiền và những người tu học. Ngoài ra để Phật giáo không xung đột với tín ngưỡng địa phương và ăn sâu vào lòng người, trong chùa còn lập miếu môn thờ cúng những thánh thần

mà địa phương tôn thờ, như: Thành Hoàng Bồn Cảnh, Thánh Mẫu Liễu Hạnh, mẫu Thượng Ngàn, Bà Thủy, bà Chúa Xứ, bà Ngũ Hành, Thổ Địa, Thần Tài, v.v...

Đối với Phật tử, các nhà sư không chỉ hướng dẫn thờ cúng mà còn hướng dẫn thọ Tam quy, trì Ngũ giới, ăn chay, niệm Phật, tụng kinh, hiếu thảo cha mẹ, hòa thuận anh em, giúp đỡ mọi người, học tập giáo lý nhà Phật trao dồi thân tâm để trở thành người tốt trong xã hội.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, với sự phát triển lớn mạnh của tăng, ni, tự viện, nên tại mỗi chùa, mỗi thầy hướng dẫn đệ tử một cách riêng biệt theo hiểu biết cá nhân mình nên đã phá vỡ tính liên kết toàn diện của Phật giáo. Bên cạnh đó là cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm cộng thêm thâm ý của chính quyền đô hộ Pháp muốn dùng tư tưởng Công giáo thay thế Phật giáo và tín ngưỡng bản địa để thực hiện chính sách đô hộ lâu dài làm cho những vị tăng, ni có ý thức bảo tồn Phật giáo, bảo tồn văn hóa dân tộc đã đứng lên chấn hưng Phật giáo. Kết quả là Phật giáo tỉnh Bến Tre đã chuyển sang một thời kỳ lịch sử mới, đồng hành cùng dân tộc, đáp ứng được nhu cầu của thời đại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bến Tre (2005), *Danh bộ Tăng, Ni, Tự, Viện tỉnh Bến Tre*, Văn phòng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bến Tre.
- 2 PGS. TS. Nguyễn Văn Minh (2018), *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 541.
- 3 Thích Thanh Từ (1995), *Thiền sư Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 432.
- 4 Thích Thanh Từ (1995), *Thiền sư Việt Nam*, Tlđđ, tr. 465.
- 5 Thích Thanh Từ (1995), *Thiền sư Việt Nam*, Tlđđ, tr. 461.
- 6 Nhiều tác giả (2015), *Chùa Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 1009.
- 7 Trần Thanh Bảo và Thích Hoàng Đạt (2001), *Lịch sử những ngôi chùa Phật huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 25.
- 8 Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bến Tre (2020), *Bến Tre đất và người*, Nxb. Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 10.
- 9 Lê Hương dịch (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nguyên tác Châu Đạt Quan (1296-1297), Ký nguyên mới ấn hành lần thứ nhất, Sài Gòn, tr. 23.
- 10 Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bến Tre (2020), *Bến Tre đất và người*, Nxb. Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 33.
- 11 Thái Không, *Tổ đình dật sự*, bản thảo không có ghi thời gian, hiện còn

- lưu tại chùa Tuyên Linh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
- 12 *Linh vị Hòa thượng Khánh Phong*, những hiện vật tại chùa Tuyên Linh, ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
 - 13 Nguyễn Duy Sáu (1989), *Sơ lược tiểu sử ngôi Tam bảo Tuyên Linh*, bản thảo, chùa Tuyên Linh, xã Minh đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
 - 14 Thái Không, *Tổ đình dật sự*, bản thảo không có ghi thời gian, hiện còn lưu tại chùa Tuyên Linh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, tr. 5.
 - 15 Nguyễn Duy Sáu (1989), *Sơ lược tiểu sử ngôi Tam bảo Tuyên Linh*, bản thảo, chùa Tuyên Linh, xã Minh đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, tr. 59.
 - 16 Thái Không, *Tổ đình dật sự*, bản thảo không có ghi thời gian, hiện còn lưu tại chùa Tuyên Linh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
 - 17 Thạch Phương - Đoàn Tứ chủ biên (2001), *Địa chí Bến Tre*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 1353.
 - 18 Phan Huy Lê chủ biên (2017), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển - I*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 445.
 - 19 Bát dản là một trong những kiểu kiến trúc nhà ở được giới trung lưu vùng đầu nguồn sông Cửu Long thời xưa ưa thích. Nhà được dựng theo kiểu nhà sàn, vật liệu chính là gỗ danh mộc, mái lợp ngói. Kiểu kiến trúc nhà ở này dựa trên cơ sở cách tân, hợp lý hóa kết cấu kỹ thuật nhà rường ở Bắc, Trung Bộ. Xem thêm: <https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/kham-pha-kieu-nha-bat-dan-cua-gioi-trung-luu-nam-bo-xua.html>, truy cập 17/6/2020.
 - 20 Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch (2005), *Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai và Quán Vô Lượng Thọ Phật*, Nxb. Tôn giáo, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 192.
 - 21 Trần Thanh Bảo và Thích Hoàng Đạt (2001), *Lịch sử những ngôi chùa Phật huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 10.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bến Tre (2005), *Danh bộ Tăng, Ni, Tỳ, Viện tỉnh Bến Tre*. Văn phòng Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bến Tre.
2. Trần Thanh Bảo và Thích Hoàng Đạt (2001), *Lịch sử những ngôi chùa Phật huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Nguyễn Đại Đồng (2018), *Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bến Tre (2020), *Bến Tre đất và người*, Nxb. Công an nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Lê Hương dịch (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nguyên tác Châu Đạt Quan (1296-1297), Kỷ nguyên mới ấn hành lần thứ nhất, Sài Gòn.
6. Phan Huy Lê chủ biên (2017), *Vùng đất Nam Bộ quá trình hình thành và phát triển - I*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. *Linh vị Hòa thượng Khánh Phong*, những hiện vật tại chùa Tuyên Linh, ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
8. Nhiều tác giả (2015), *Chùa Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Nguyễn Chơn - Đạo Bình (2015), *Phật giáo vùng Mê Kông: Lịch sử và hội nhập*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Duy Oanh (2017), *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam từ năm 1757 đến 1945*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Duy Sáu (1989), *Sơ lược tiểu sử ngôi Tam bảo Tuyên Linh*, bản thảo, chùa Tuyên Linh, xã Minh Đức, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
12. Thái Không, *Tổ đình đất sự*, bản thảo không có ghi thời gian, hiện còn lưu tại chùa Tuyên Linh, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
13. Thạch Phương - Đoàn Tứ chủ biên (2001), *Địa chí Bến Tre*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Thích Thanh Từ (1995), *Thiền sư Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Thích Trí Tịnh dịch (2005), *Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai và Quán Vô Lượng Thọ Phật*, Nxb. Tôn giáo, Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

FORMATION AND STATUES ARRANGEMENT OF BUDDHIST TEMPLES IN BẾN TRE IN THE 19th CENTURY

Quang Trong Manh

Bến Tre Province, Vietnam

Since being introduced into Vietnam, Buddhism has always accompanied the nation. Vietnam Buddhism has become an indispensable element in shaping the identity and vitality of the Vietnamese nation. Buddhism has contributed to creating the values and strength of Buddhism in Bến Tre. Thanks to the foundations established by Buddhism in Bến Tre from the 18th and 19th centuries, this place has become the origin of Vietnamese Buddhist revival in the 20th century. In particular, Ancestor Lê Khánh Hòa was a pioneer in the Vietnamese Buddhist revival movement. The article shows an overview of Buddhism in Bến Tre province in the nineteenth century on two basic aspects as follows: history of formation and religious practices at the pagodas in Bến Tre in the nineteenth century.

Keywords: Buddhism; history; statues; Bến Tre.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH 47 CHÙA Ở BẾN TRE THẾ KỶ XVIII, XIX

1. Danh sách 47 chùa (xếp theo thời gian)

Số	Tên chùa	Địa chỉ: Ấp, xã, hiện nay, thành lập giữa thế kỷ 18	Số TT
1	Hội Tôn	Ấp 8, Quới Sơn, Châu Thành	1
Số	Tên chùa	Thành lập đầu thế kỷ 19	
1	Phước Hòa	Ấp Giồng Chùa, Tân Lợi Thạnh, Giồng Trôm	2
2	Phước Long	Ấp Thiện Lương, Tân Thiêng, Chợ Lách,	3
Số	Tên chùa	Thành lập giữa thế kỷ 19	
1	Gia Hưng	Ấp Gia Thạnh, Thạnh Ngãi, Mỏ Cày Bắc	4
2	Lạc Thiện	Ấp An Thới B, An Khánh, Châu Thành	5
3	Phước Long	Ấp Thạnh Hưng, Tường Đa, Chợ Lách,	6
Số	Tên chùa	Thành lập cuối thế kỷ 19	
1	Bửu Lâm	Ấp Thập Tư, Thuận Điền, Giồng Trôm	7
2	Bửu Linh	Ấp Sơn Long, Sơn Định, Chợ Lách	8
3	Đức Thắng	Ấp 3, An Khánh, Châu Thành	9
4	Hòa Nam	Ấp Phú Long, Phú Ngãi, Ba Tri	10
5	Hòa Sơn	Ấp Hòa Long, Giao Hòa, Châu Thành	11
6	Hội Minh	Ấp Hội An, Đa Phước Hội, Mỏ Cày Nam	12
7	Huệ Quang	Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, Giồng Trôm,	13
8	Khánh Vân	Ấp 5, Hưng Nhượng, Giồng Trôm	14
9	Kim Cang	Ấp Tân An, Tân Thủy, Ba Tri	15
10	Liên Trì	Ấp Hòa Chánh, Sơn Hòa, Châu Thành	15
11	Linh Châu	Ấp Phú Thuận, Châu Hòa, Giồng Trôm	17
12	Linh Phong	Ấp Mỹ Đức, Mỹ Thành, Bến Tre	18
13	Linh Phú	Ấp Tân Lễ 1, Tân Trung, Mỏ Cày Nam	19
14	Linh Sơn	Ấp Trung Hiệp, Hưng Khánh Trung B, Chợ Lách	20
15	Long An	Ấp An Phong, An Thạnh, Mỏ Cày Nam	21
15	Long Bình	Ấp Thanh Bình, Tân Thành Bình, Mỏ Cày Bắc	22
17	Long Hải	Ô 2, thị trấn Bình Đại, Bình Đại	23
18	Long Hưng	Ấp Giồng Giữa, Nhuận Phú Tân, Mỏ Cày Bắc	24
19	Long Khánh	Ấp An Hòa, An Bình Tây, Ba Tri,	25

20	Long Nhiều	Áp 5, Mỹ Thạnh, Giồng Trôm,	26
21	Long Phú	Áp Tân Lợi, Tân Phú Tây, Mỏ Cây Bắc	27
22	Long Phước	Áp Giồng Cúc, An Đức, Ba Tri	28
23	Long Phước	Áp Giồng Chùa, Nhuận Phú Tân, Mỏ Cây Bắc	29
24	Minh Đức	Áp Phú Mỹ, Phú Túc, Châu Thành	30
25	Oai Linh	Áp Tân Quới Đông B, Minh Đức, Mỏ Cây Nam	31
26	Phú Bửu	Áp Phú Lợi, Phú Khánh, Thạnh Phú	32
27	Phú Long	Áp Phú Nhuận, Phú Mỹ, Mỏ Cây Bắc	33
28	Phước Khánh	Áp 4, thị trấn Thạnh Phú, Thạnh Phú	34
29	Phước Lâm	Áp Phú Thành, Phú Hưng, Bến Tre	35
30	Phước Long	Áp 4, Phong Năm, Giồng Trôm	36
31	Phước Sơn	Áp Bình Tây, Cẩm Sơn, Mỏ Cây Nam	37
32	Tân Lâm	Áp 3, Định Trung, Bình Đại	38
33	Tân Long	Áp An Thạnh, Long Thới, Chợ Lách	39
34	Tân Long	Áp 3, Tân Thạch, Châu Thành	40
35	Tây An	Áp Đông Lợi, Thành An, Mỏ Cây Bắc	41
36	Thiên Thọ	Áp Long Phú, Long Thới, Bình Đại	42
37	Tiên Đài	Áp Khánh Hội Tây, Tiên Thủy, Châu Thành	43
38	Tuyên Linh	Áp Tân Quới Đông B, Minh Đức, Mỏ Cây Nam	44
39	Viên Giác	Khu phố 3, Phường 5, Bến Tre	45
40	Viên Minh	Áp Tân Điền, Thành Thới B, Mỏ Cây Nam	46
41	Vĩnh Trường	Áp Vĩnh Đức Trung, Vĩnh An, Ba Tri	47

2. Thông tin khảo sát thực địa (xếp theo vần A, B, C...)

2.1. Các chùa thành lập trước năm 1870 (6 chùa)

- 1 Chùa Gia Hưng xưa thuộc thôn Thành Hóa, tổng Minh Đạt nay là ấp Gia Thạnh, xã Thạnh Ngãi, huyện Mỏ Cây Bắc do bà Từ Thị Thạnh và bà Nguyễn Thị Phước thành lập khoảng giữa thế kỷ XIX (?-1820-?), vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Quảng Thi (?-1848-1859-?). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Huệ Nghiêm (1987- hiện nay).
- 2 Chùa Hội Tôn xưa thuộc thôn Quới Hòa, tổng Hòa Quới nay là ấp 8, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành do bà Cù Thị Báu (Báo) thành lập khoảng cuối thế kỷ XVIII (?-1782), trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Phật Tịnh Từ Nghiêm (?-1782-1799). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Minh Hải (1968- hiện nay).
- 3 Chùa Lạc Thiện, xưa thuộc thôn An Hồ, tổng Hòa Quới nay là ấp An Thới

- B, xã An Khánh, Châu Thành do ông Trần Quảng Thiên thành lập giữa thế kỷ XIX (1827-1850), vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Tiên Tịnh Bảo Chất (?-1827-1850-?). Trụ trì hiện nay là Thượng tọa Thục Mỹ (1963- hiện nay).
- 4 Chùa Phước Hòa, xưa thuộc thôn Tân Hào, tổng An Bảo nay thuộc ấp Giồng Chùa, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm do Hòa thượng Tiên Đạt Chơn Tế sáng lập và trụ trì đầu tiên khoảng giữa thế kỷ XIX (1830-1870). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Minh Tâm (1980- hiện nay).
 - 5 Chùa Phước Long xưa thuộc thôn Phước Tường, tổng Bảo Hòa nay là ấp Thanh Hưng, xã Tường Đa, huyện Châu Thành do ông Ngô Văn Giáo thành lập cuối thế kỷ XIX (?-1890), ông cũng là vị quản lý đầu tiên của chùa này. Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Huệ Thiện.
 - 6 Phước Long Cổ Tự xưa có tên là Phước Hưng Tự thuộc thôn Tân Thiềng (Thành) tổng Minh Ngãi nay là ấp Thiện Lương, xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách do Giáo thọ Khánh Hưng (?-1800-1826-?) sáng lập đầu thế kỷ XIX, vị trụ trì đầu tiên là Ni sư Trần Châu (?-1808-?). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Liễu Thành (1971- hiện nay).

2.2. Những chùa thành lập trong thời gian 1870-1900 (41 chùa)

1. Chùa Bửu Lâm, ấp Thập Tư, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm do ông Lâm Văn Thích (?-1865-?) thành lập cuối thế kỷ XIX. Trước năm 2011 do Phật tử quản lý. Vị trụ trì đầu tiên là Thích Minh Phùng (1983- hiện nay).
2. Chùa Bửu Linh, ấp Sơn Long, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách do Tri phủ Kỳ (?-1895-?) thành lập cuối thế kỷ XIX, vị trụ trì đầu tiên được biết là Hòa thượng Tâm... Thiện Bích (?-1922). Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Nhựt Đạo (1932-2021).
3. Chùa Đức Thắng, ấp 3, xã An Khánh, huyện Châu Thành do dân lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900) trên đất ông Nguyễn Văn Minh. Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Tâm Định (?-1875-1908). Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Tư Ân (1954- hiện nay).
4. Chùa Hòa Nam xưa thuộc thôn Phú Ngãi, tổng Phú Thuận nay là ấp Phú Long, xã Phú Ngãi, Ba Tri do bà Nguyễn Thị Sơn sáng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Thanh Lương Khánh Phong (1831-1906). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Nhuận Ân (1970- hiện nay).
5. Chùa Hòa Sơn xưa thuộc thôn Giao Hòa, tổng Hòa Quới nay là ấp Hòa Long, xã Giao Hòa, Châu Thành do mục đồng thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900) trên đất bà điền chủ Trần Thị Lễ (?-1870-?). Vị trụ trì đầu tiên là thầy Thiện Túc (?-?). Trụ trì hiện nay là ĐĐ. Nhựt Thuận (1935- hiện nay).
6. Chùa Hội Minh xưa thuộc thôn Đa Phước, tổng Minh Đạt nay là ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, Mỏ Cày Nam, do dân lập (ông Ếch) cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là HT. Ngô Nghĩa Chánh Nhân

- (1877-1937). Hiện nay ĐĐ. Thích Bửu Tánh (1964- hiện nay) trưởng Ban Hộ tự quản lý.
7. Chùa Huệ Quang xưa tại thôn Bình Hòa, tổng Bảo Lộc nay là khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm do dân làng (Lê Thị Lại: ?-1849-?) lập khoảng giữa thế kỷ XIX (1830-1970). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Như Viên Phổ Tế (1849-1900) người Quảng Ngãi. Trụ trì hiện nay là Thượng tọa Thích Lệ Thiện (1955- hiện nay).
 8. Chùa Khánh Vân xưa thuộc thôn Hưng Nhượng, tổng Bảo Phước nay là ấp 5, xã Hưng Nhượng, Giồng Trôm do ông Lê Hưng và Nguyễn Nhượng (?-1879-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Chùa từ khi thành lập đến năm 1998 có nhiều vị Tăng về cư trú nhưng không lâu, chủ yếu do Phật tử quản lý. Trụ trì hiện nay là ĐĐ. Thích Tánh Hy (1956- hiện nay).
 9. Chùa Kim Cang, ấp Tân An, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri do mục đồng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900), trước năm 2000 do dân làng thay nhau quản lý. Trụ trì hiện nay Đại đức Thích Huệ Trí (1969- hiện nay).
 10. Chùa Liên Trì xưa thuộc thôn Sơn Hòa, tổng Bảo Ngãi nay là ấp Hòa Chánh, xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành do Hòa thượng Minh Đạt (?-1895) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Giác Minh (1982- hiện nay).
 11. Chùa Linh Châu, ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm do ông Châu Văn Cương (?-?) thành lập cuối thế kỷ XIX. Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Nhựt Quang Bửu Ngọc (1912-1998). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Tánh Phước (1978- hiện nay)
 12. Chùa Linh Phong, ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, thành phố Bến Tre do thầy Chánh Tánh thế danh Lê Huệ Diển (?-1915) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là HT. Thích Huệ Nghĩa (1922- hiện nay).
 13. Chùa Linh Phú xưa thuộc thôn Tân Trung tổng Minh Quới nay là ấp Tân Lễ 1, xã Tân Trung, Mỏ Cày Nam do ông Phan Văn Sô (?-1885-?) thành lập cuối thế kỷ XIX. Vị trụ trì đầu tiên Hòa thượng Từ Quang (?-1885-1920). Trụ trì hiện nay là Thượng tọa Thích Trí Viên (1958- hiện nay).
 14. Chùa Linh Sơn ấp Trung Hiệp, xã Hưng Khánh Trung B, huyện Chợ Lách do Sư Luông (Lý Thường Luông: ?-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Quảng Tâm (1980- hiện nay).
 15. Chùa Long An còn gọi chùa Trà Nồng tọa lạc tại ấp An Phong, xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam được Hòa thượng Quảng Nghĩa Thiện Mỹ (?-1914-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Quản lý chùa hiện nay là Phật tử Nhựt Quới (Nguyễn Văn Phú: 1963- hiện nay).
 16. Chùa Long Bình xưa thuộc thôn Thanh Bình, tổng Minh Đạt nay là ấp Thanh Bình 2, xã Tân Thành Bình, Mỏ Cày Bắc do mục đồng (Hồ Văn Võ: ?-1850-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên

- là Sư cô Nam (?-?). Trụ trì hiện nay là Ni sư Thích Nữ Huệ Bích (1963- hiện nay).
17. Chùa Long Hải xưa thuộc thôn Bình Đại, tổng Hòa Hằng nay là ô 2, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại do Hòa thượng Tâm Tường (?-1929) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Phước Chí (1975- hiện nay).
 18. Chùa Long Hưng, ấp Giồng Giữa, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc do bà Thệp và bà Hội (?-1900-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Hoàng Hiệp (?-?). Trụ trì hiện nay là Thượng tọa Thích Trung Minh (1971- hiện nay).
 19. Chùa Long Khánh xưa thuộc thôn An Bình Tây, tổng Bảo An nay là ấp An Hòa, xã An Bình Tây, Ba Tri do HT. Tâm Lương Phước Huệ (Thanh Long Chấn Bửu, Thanh Long Phước Huệ: 1836-1911) lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là TT. Thích Minh Hoàng (1958- hiện nay).
 20. Chùa Long Nhiều xưa thuộc làng Lương Mỹ, tổng Bảo Thành nay là ấp 5, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm do Ni sư Nguyễn Thị Thanh (?-?) sáng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Thanh Luân (1983- hiện nay).
 21. Chùa Long Phú, ấp Tân Lợi, xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc do Ông bà Quới Thiện (?-1867-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Sư cô Thích Nữ Huệ Chơn (1972- hiện nay).
 22. Chùa Long Phước xưa thuộc thôn An Bình Đông, tổng Bảo An nay là ấp Giồng Cục, xã An Đức, huyện Ba Tri do mục đồng thành lập cuối thế kỷ XIX. Vị trụ trì đầu tiên là Đại sư Minh Trí (?-1852-?). Hiện nay Đại đức Thích Viên Tâm tạm quản lý.
 23. Chùa Long Phước xưa thuộc thôn Tân Nhuận, tổng Minh Đạo nay là ấp Giồng Chùa, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc do bà Phạm Thị Giao (Thực Trí: ?-1894-?) sáng lập khoảng cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Minh Thành Tâm Hương (?-1914-?). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Giác Minh (1974- hiện nay).
 24. Chùa Minh Đức ấp Phú Mỹ, xã Phú Túc, huyện Châu Thành do ông Nguyễn Minh Khải (?-1860-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Ngô Hưng Từ Quang (1831-1916). Trụ trì hiện nay Đại đức Thích Xuân Hải (1969- hiện nay).
 25. Chùa Oai Linh ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, Mỏ Cày Nam do HT. Thanh Trương Huệ Oai (1846-1934) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Chùa từ khi thành lập đến nay do thân tộc quản lý, đã qua 6 đời trụ trì.
 26. Chùa Phú Bửu xưa thuộc thôn Giao Thạnh, tổng Minh Trị nay là ấp Phú Lợi, xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú do mục đồng thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Thanh Trí (?-1849-?).

- Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Minh Hải (1946- hiện nay).
27. Chùa Phú Long xưa tại thôn Phú Mỹ, tổng Minh Thiện nay là ấp Phú Nhuận, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc do Hòa thượng Chí Định (?-1884-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Tánh Nhân (1984- hiện nay).
 28. Chùa Phước Khánh xưa thuộc thôn Tân Khánh, tổng Minh Phú nay là ấp 4, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú do dân làng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Diệu Quang (Sư Giang: ?-1917-?). Trụ trì hiện nay là Thượng tọa Thích Thiện Hạnh (1960- hiện nay).
 29. Chùa Phước Lâm xưa thuộc thôn Phong Điền, tổng Bảo Thành nay là ấp Phú Thành, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre do dân làng thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì được biết sớm nhất là Hòa thượng Hồng Năng (?-1923-?). Trụ trì hiện nay là TT. Thích Huệ Thọ (1960- hiện nay).
 30. Chùa Phước Long xưa thuộc thôn Phong Năm, tổng Bảo Khánh nay là ấp 4, xã Phong Năm, Giồng Trôm do bà Huỳnh Thị Thọ (1850-1935) sáng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Chùa từ khi thành lập đến nay đã qua nhiều đời trụ trì, quản lý. Trụ trì hiện nay là ĐĐ. Thích Vạn Bình (1990- hiện nay).
 31. Chùa Phước Sơn xưa thuộc thôn Cẩm Sơn, tổng Minh Huệ nay là ấp Bình Tây, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam do bà Nguyễn Thị Nghi (?-1900-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Đạt Chánh Vạn An (Minh Định: 1859-1939) người Quảng Ngãi. Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Xương Từ (1968- hiện nay).
 32. Chùa Tân Lâm, ấp 3, xã Định Trung, huyện Bình Đại do ông Trần Văn Thông (?-1884-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì đầu tiên là thầy Phương (?-1927-?). Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Nhuận An (1948- hiện nay).
 33. Chùa Tân Long, ấp 3, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành do Hòa thượng Như Chí (?-1897-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Nhuận Thiên (1942- hiện nay).
 34. Chùa Tân Long xưa thuộc thôn Tân Phụng, tổng Minh Ngãi nay là ấp An Thạnh, xã Long Thới, Chợ Lách do ông Lê Phước Nở (?-1906-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là HT. Kim Tuyên (1906-1986). Trụ trì hiện nay là SC. Thích Nữ Giác Tánh (1976- hiện nay).
 35. Chùa Tây An xưa thuộc thôn Thành An, tổng Minh Đạt nay là ấp Đông Lợi, xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc do bà Nguyễn Thị Vân (?-1890-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Thiện Ngộ (?-?). Trụ trì hiện nay là SC. Thích Nữ Như Tâm (1948- hiện nay).
 36. Chùa Thiên Thọ ấp Long Phú, xã Long Định, huyện Bình Đại do Hòa thượng

- Như Nguyệt Tâm Quang (?-1843-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Thanh Hùng (1985- hiện nay).
37. Chùa Tiên Đài xưa thuộc thôn Tân Thành, tổng Minh Ngãi nay là ấp Khánh Hội Tây, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành do ông Huỳnh Văn Ngời và Huỳnh Văn Nghi (?-1860-?) thành lập vào cuối thế kỷ XIX (1870-1900), Trụ trì đầu tiên là Giáo thọ Nguyễn Phước (Minh Phước Tư Trung: ?-1884). Trụ trì hiện nay là Sư cô Thích Nữ Như Nguyệt (1964- hiện nay).
38. Chùa Tuyên Linh ban đầu tên chùa Tiên Linh tại thôn Tân Hương, tổng Minh Quới nay là ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, Mỏ Cày Nam do ông Nguyễn Duy Đảnh (1846-1902) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Thanh Lương Khánh Phong (1885-1906). Hiện nay là khu di tích lịch sử cấp quốc gia do Ban Quản trị quản lý.
39. Chùa Viên Giác xưa thuộc thôn An Hội, tổng Bảo Hựu nay là khu phố 3, phường 5, thành phố Bến Tre do dân làng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Vị trụ trì đầu tiên là Hòa thượng Thiện Niệm Tâm Quang (1877-1944). Trụ trì hiện nay là Thượng tọa Thích Huệ Đức (1962- hiện nay).
40. Chùa Viên Minh ấp Tân Điền, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam do ông Võ Quang Thại (?-1881-?) thành lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Chùa từ khi thành lập đến năm 2004 do thân tộc quản lý. Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Xương Vân (1976- hiện nay).
41. Chùa Vĩnh Trường tại thôn Vĩnh Đức Trung, tổng Bảo Trị nay là ấp Vĩnh Đức Trung, xã Vĩnh An, huyện Ba Tri do mục đồng lập cuối thế kỷ XIX (1870-1900). Trụ trì được biết gần nhất là Yết ma Chi (?-1947). Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Minh Tâm (1976- hiện nay).